

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 8/7/2024 - 12/7/2024

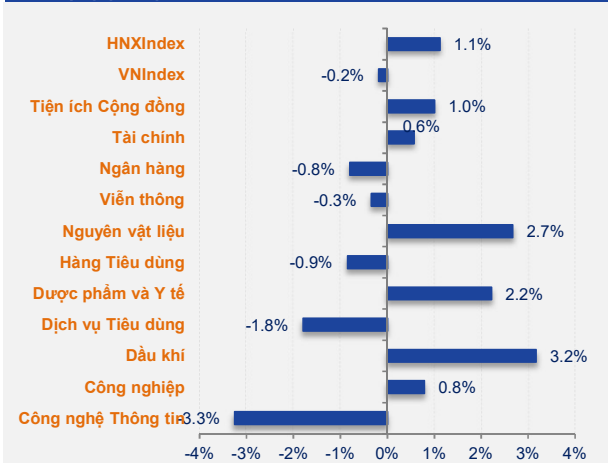
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thông kê thị trường				
Index	1,280.75 ↓	-0.2%	245.02 ↑	1.1%
KLGD (trCP)	3,431.51 ↑	31.8%	316.21 ↑	18.8%
GTGD (tỷ VND)	97,173.15 ↑	33.9%	7,210.67 ↑	32.0%
Tổng cung (trCP)	10,652.84 ↓	-9.2%	584.29 ↑	22.9%
Tổng cầu (trCP)	11,433.56 ↑	2.2%	466.66 ↑	17.5%

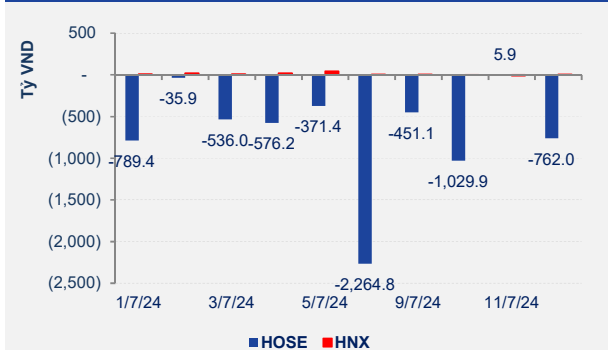
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	313.61 ↑	56.7%	8.45 ↓	-4.4%
KL bán (trCP)	393.95 ↑	46.4%	7.09 ↑	6.7%
GT mua (tỷ VND)	11,671.36 ↑	68.5%	245.82 ↓	-21.8%
GT bán (tỷ VND)	16,173.29 ↑	75.1%	250.50 ↑	16.2%

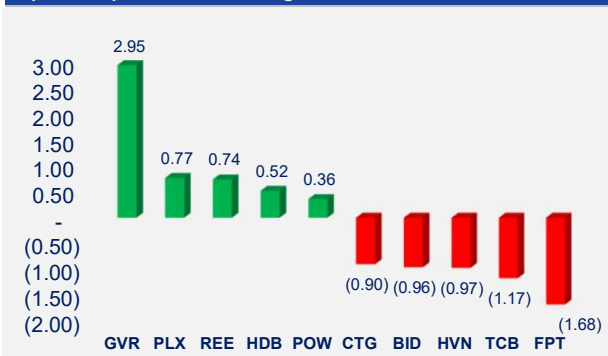
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần giao dịch phục hồi trước đó thị trường tiếp tục tăng điểm đến phiên ngày thứ tư và có thời điểm VN-INDEX lên đến mốc 1.297,96 điểm, tuy nhiên áp lực bán những phiên cuối tuần khiến cho VN-INDEX kết tuần giảm -2,29 điểm (-0,18%) về mốc 1.280,75 điểm. HNX-INDEX kết tuần tại mốc 242,41 điểm (+2,71 điểm, tương ứng +1,12%). Độ rộng thị trường phiên cuối tuần nghiêng về bên bán với 198 cổ phiếu giảm giá, 117 cổ phiếu tăng giá, 64 cổ phiếu tham chiếu tại HOSE. HNX giao dịch với 95 cổ phiếu giảm giá, 60 cổ phiếu tăng giá và 63 cổ phiếu tham chiếu.

Thanh khoản trên cả 2 sàn tuần này có sự cải thiện so với tuần giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh +32,91% tại HOSE và +31,66% tại HNX. Khối ngoại tuần này tiếp tục đà bán ròng với -4.501,94 tỷ đồng tại HOSE, vẫn tiếp tục tập trung mạnh tại mã FPT (-1.732 tỷ), bên cạnh đó bán ròng mã MWG (-644 tỷ), VHM (-521 tỷ) và MSN (-508 tỷ)... ở chiều ngược lại, mua ròng mã HDB (+473 tỷ), TNH (+163 tỷ)... Cùng với đó, bán ròng tuần này từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với -4,68 tỷ đồng, tập trung tại các mã IDC (-37 tỷ), PVI (-31 tỷ) và NTP (-10 tỷ), chiều mua ròng nổi bật với PVS (+27 tỷ), LAS (+12 tỷ), VGS (+9 tỷ)...

Tâm điểm ngày hôm nay là việc Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) đánh giá kinh tế Việt Nam nửa đầu năm 2024 đang trên đà hồi phục nhanh chóng, với mức tăng trưởng tăng lên 6,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo ông Paulo Medas, Trưởng đoàn Tham vấn và giám sát Kinh Tế Vĩ Mô Việt Nam của IMF: "Việt Nam tiếp tục hội nhập và nền kinh tế đã thực sự phục hồi với mức tăng trưởng tăng lên mức 6,4% so với cùng kỳ năm ngoái". Đánh giá về triển vọng 6 tháng cuối năm 2024, ông Medas kỳ vọng nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi. Tốc độ tăng trưởng của cả năm 2024 sẽ chậm lại phần nào, chủ yếu do nền kinh tế đã phục hồi từ cuối năm 2023 và tăng tốc mạnh mẽ trong nửa đầu năm 2024. IMF dự báo tỷ lệ lạm phát có khả năng sẽ duy trì ở mức gần với mục tiêu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 4,5%.

Nhóm ngành giảm điểm tuần này là Công Nghệ Thông Tin sau thời gian tăng điểm mạnh vừa qua với các mã tiêu điểm như FPT (-3,53%), CMG (-0,62%), ICT (-8,61%), ITD (-4,1%)...

Ngoài nhóm Công Nghệ Thông Tin, một số nhóm cổ phiếu khác cũng có diễn biến tiêu cực như Viễn Thông, tiêu biểu với MFS (-14,58%), ABC (-11,9%), TTN (-4,33%)... Nhóm cổ phiếu Bia giao dịch trong sắc đỏ với SAB (-3,45%), BHN (-2,17%)... nhóm cổ phiếu Thực Phẩm giảm điểm với MSN (-2,48%), VNM (-1,34%), DBC (-3,55%)...

Nhóm cổ phiếu Vingroup khởi sắc phiên cuối tuần với thông tin về việc tất toán lô trái phiếu trị giá 500 triệu USD, qua đó giúp cho các cổ phiếu tăng điểm như VIC (+0,85%), VHM (+0,13%), tuy nhiên cổ phiếu VRE (-0,24%)...

Ghi nhận trong tuần này, một số ngành khác chứng kiến nhiều mã tăng điểm như ngành Dầu Khí với PVB (+6,99%), BSR (+4,82%), PLX (+5,35%), OIL (+2,13%)... Nhóm ngành Hóa Chất cũng giao dịch tích cực với CSV (+17,38%), DGC (+0,4%)... Đa số cổ phiếu ngành Phân Bón có một tuần giao dịch trong sắc xanh, cụ thể là DCM (+6,13%), LAS (+19,57%), BFC (+15,73%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản, ngân hàng, dịch vụ tài chính tuần vừa qua diễn biến phân hóa, phần lớn đi ngang hoặc giảm nhẹ ngoài một số mã tích cực như NTL (+14,5%), HDG (+6,44%), MBS (+7,01%), BVS (+7,4%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2407 tuần này giảm -16,3 điểm (-1,24%), đóng cửa tại 1.300 điểm, chênh lệch -1,81 điểm so với VN30. Các kỳ hạn xa hơn là VN30F2408 VN30F2409 VN30F2412 chênh lệch từ -1,81 điểm đến +2,19 điểm so với VN30. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch +8,4% so với tuần trước nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 tuần. Xu hướng tuần tới của VN30F2407 khả năng tiếp tục vận động trong vùng 1.280 đến 1.320 điểm. Khối lượng mở OI kết tuần này là 59.004 so với tuần gần nhất là 58.475 cho thấy xu hướng giá tăng các vị thế nắm giữ.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 8/7/2024 - 12/7/2024

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Sau tuần giao dịch phục hồi tốt ở vùng hỗ trợ 1.245 điểm, tương ứng cạnh dưới đường xu hướng trung hạn nối các vùng giá thấp tháng 11/2023 và 04/2024. VN-INDEX đã có tuần giao dịch biến động trong biên độ hẹp, chịu áp lực điều chỉnh nhẹ khi gặp vùng kháng cự 1.300 điểm tương ứng vùng đỉnh giá tháng 06/2024, cũng như 8/2022. Kết thúc tuần VN-INDEX giảm 0,18% so với tuần trước về mức 1.280,75 điểm, khối lượng giao dịch tăng khá mạnh 32,90% so với tuần trước, thể hiện phần nào tính chất xoay vòng ngắn hạn, luân phiên phục hồi qua từng nhóm mã. VN-INDEX vẫn chưa thể vượt lên kháng cự quanh 1.285 điểm, là vùng giá cao nhất của các phiên giảm mạnh, thanh khoản đột biến trong tháng 04, 05, 06/2024.

Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX vẫn tích lũy trong vùng 1.250 điểm - 1.300 điểm. Sau khi gặp vùng kháng cự mạnh quanh 1.300 điểm. VN-INDEX đang chịu áp lực điều chỉnh phiên thứ 03 liên tiếp, kiểm tra lại vùng giá cân bằng của kênh tích lũy này quanh 1.275 điểm, tương ứng giá trung bình 20 phiên gần nhất. Áp lực điều chỉnh này đang khá bình thường khi giá giảm, thanh khoản suy giảm nhất là khi VN-INDEX đã có 07 phiên tăng điểm liên tục. Trường hợp tích cực nếu VN-INDEX phục hồi tốt ở vùng hỗ trợ ngắn hạn 1.270-1.275 điểm thì khả năng quay trở lại kiểm tra vùng khá 1.300 điểm vẫn có thể xảy ra.

Xu hướng trung hạn VN-INDEX vẫn tích lũy với biên độ hẹp dần trong vùng 1.245- 1.255 điểm đến 1.300 điểm, nửa trên của kênh 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. VN-INDEX cũng đang phục hồi tốt khi kiểm tra lại cạnh dưới đường xu hướng trung hạn nối các vùng giá thấp từ tháng 11/2023 đến nay, và đang nỗ lực phục hồi kiểm tra lại vùng 1.300 điểm, tương ứng cạnh trên đường xu hướng nối vùng giá cao nhất tháng 09/2023, 03/2024 và 06/2024 (theo hình). Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 điểm - 1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022.

Thanh khoản thị trường duy trì ở mức thấp khi nhà đầu tư đang chờ các thông tin về kết quả kinh doanh quý II của doanh nghiệp. Chúng tôi cho rằng thị trường diễn biến tích lũy tích cực, nếu không có các yếu tố tiêu cực bất định mới xuất hiện thì VN-INDEX kỳ vọng sẽ hướng đến vùng kháng cự quanh 1.300 điểm khi các yếu tố như căng thẳng địa chính trị trên thế giới, áp lực lạm phát, tỷ giá, khối ngoại bán ròng hạ nhiệt. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý. Nhà đầu tư trung - dài hạn nắm giữ danh mục hiện tại, các vị thế xem xét gia tăng tỉ trọng mới, đánh giá cẩn trọng dựa trên kết quả kinh doanh quý II và triển vọng cuối năm của các doanh nghiệp đầu ngành. Ngắn hạn những phiên trước, chúng tôi không khuyến nghị mua đuổi khi VN-INDEX hướng đến vùng giá 1.300 điểm, vì đây không phải vùng giá thực sự hấp dẫn. Khi VN-INDEX tiếp tục điều chỉnh, trường hợp tỷ trọng dưới mức trung bình, có thể xem xét giải ngân. Mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có kết quả kinh doanh quý II tăng trưởng tốt, triển vọng tích cực trong cuối năm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



WEEKLY WRAP

Tuần GD:

8/7/2024

12/7/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DPM	37.45	35-36	40-41	34	27.3	1.3%	1.6%	Theo dõi giải ngân
PLX	46.30	40-41.7	54-55	38	18.0	11.4%	73.2%	Theo dõi giải ngân
POW	15.20	13.5-14.1	17.5-18.5	13	43.4	-15.9%	-48.0%	Theo dõi giải ngân
LHG	41.20	36.5-37	41-43	35	13.8	-34.1%	-38.0%	Theo dõi giải ngân
DPR	44.45	40.7-42.5	46-47	39	18.9	3.8%	-5.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	MBB	23.00	23	26.5-27.5	22	0.0%	Nắm giữ
17/6/2024	CLX	17.50	16.8	26-28	17.2	4.2%	Nắm giữ
2/7/2024	BSR	23.64	22	26-28	22	7.4%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Từ 2026, giá rượu bia sẽ tăng cao đột biến?

Dự thảo sửa Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Bộ Tài chính đề xuất lộ trình tăng thuế này với các sản phẩm rượu, bia giai đoạn 2026-2030. Cụ thể, bia các loại chịu thuế 80% từ 2026 và 100% vào 2030. Mức thuế với rượu 50-100% (tùy nồng độ dưới hay trên 20 độ). Với lộ trình này, giá bán các mặt hàng này sẽ tăng 20% vào năm 2026 và thêm 2-3% ở các năm tiếp theo.

Việt Nam-Italy xúc tiến thương mại và kết nối giao thương ngành da, giày

Liên quan đến chuỗi chương trình xúc tiến thương mại và kết nối giao thương ngành da và giày tại Thành phố Hồ Chí Minh lần này, Đại sứ Italy tại Việt Nam Marco Della Seta đánh giá Việt Nam là một quốc gia có thể mạnh xuất khẩu ngành da và giày, nên kết nối giao thương trong ngành này sẽ đóng góp vào quan hệ thương mại hai bên. Về phía Italy, đã và đang nhập khẩu nhiều sản phẩm da và giày Việt Nam, kể cả thành phẩm và bán thành phẩm.

"Trong thời gian qua, Italy đã cùng các đơn vị trong ngành da và giày Việt Nam thành lập Trung tâm công nghệ giày Việt-Italy tại tỉnh Bình Dương và đây nơi chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn lao động da và giày Việt Nam. Trung tâm này, được trang bị máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ mới nhất nhập khẩu trực tiếp từ Italy và châu Âu sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành da và giày Việt Nam có cơ hội tiếp cận, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới," ông Marco Della Seta cho biết thêm.

Thâm hụt ngân sách của Mỹ giảm nhẹ

Bộ Tài chính Mỹ cho biết thâm hụt ngân sách trong 9 tháng đầu năm tài chính 2023-2024 đã giảm nhẹ so với cùng kỳ của tài khóa trước đó, nhờ nguồn thu thuế từ các cá nhân và doanh nghiệp tăng. Thâm hụt ngân sách đã giảm 125 tỷ USD xuống 1.300 tỷ USD trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 6/2024, giảm từ mức 1.400 tỷ USD cùng kỳ năm trước. Tổng thu nhập từ thuế đã tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, trong khi chi tiêu tăng 5% trong giai đoạn này. Thuế thu nhập cá nhân của nước này đạt 1.900 tỷ USD cho đến tháng 6/2024, tăng từ mức 1.700 tỷ USD trong năm 2023. Thuế thu nhập doanh nghiệp cũng tăng từ 306 tỷ USD lên 393 tỷ USD trong giai đoạn này.

Gói tín dụng 120.000 tỉ đồng cho nhà ở xã hội thêm 2 ngân hàng tham gia

Về tình hình giải ngân gói tín dụng ưu đãi 120.000 tỉ đồng cho phát triển nhà ở xã hội, Bộ Xây dựng cho biết ngoài 4 ngân hàng thương mại nhà nước BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Agribank cam kết cho vay 120.000 tỉ đồng theo nghị quyết 33 của Chính phủ, hai ngân hàng TPBank, VPBank đã đăng ký tham gia chương trình, số tiền mỗi ngân hàng cam kết cho vay phát triển nhà ở xã hội là 5.000 tỉ đồng.

Số tiền các ngân hàng đã giải ngân đến thời điểm hiện tại khoảng 1.234 tỉ đồng (khoảng 1% quy mô gói tín dụng), bao gồm cho chủ đầu tư dự án vay 1.202 tỉ đồng, cho người mua nhà vay 32 tỉ đồng. Cụ thể, Agribank đã giải ngân 531 tỉ đồng, Vietinbank giải ngân 306 tỉ đồng, BIDV giải ngân 134 tỉ đồng, Vietcombank giải ngân 2 tỉ đồng, TPBank giải ngân 170 tỉ đồng.

TIN DOANH NGHIỆP**Vingroup (VIC) tắt toán lô trái phiếu trị giá 500 triệu USD**

Tập đoàn Vingroup (VIC) vừa công bố việc hủy niêm yết 1.250 trái phiếu còn lại của lô trái phiếu quốc tế năm 2021 tại Sở giao dịch chứng khoán Singapore.

Nguyên nhân là do doanh nghiệp đã mua lại toàn bộ số trái phiếu này trước hạn. Tổng giá trị mua lại ước tính là 250 triệu USD.

Trước đó, Vingroup phát hành 500 triệu USD trái phiếu chuyển đổi vào tháng 9/2021 có kỳ hạn 5 năm. Trái phiếu không có tài sản đảm bảo và lãi suất cố định 3% với mệnh giá 200.000 USD/trái phiếu. Một nửa lô trái phiếu trên đã được công ty đáo hạn trước đó.

TCM: Lãnh đạo TCM muốn thoái gần 7% vốn sau khi cổ phiếu lập đỉnh mới

Theo đó, ông Nguyễn Văn Nghĩa, thành viên HĐQT Công ty CP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (TCM), vừa có văn bản báo cáo đến Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) về việc đăng ký bán 7 triệu cổ phiếu TCM. Mục đích của ông Nghĩa là giảm tỷ lệ sở hữu. Phương thức giao dịch số cổ phiếu này là thông qua khớp lệnh hoặc thỏa thuận. Nếu bán thành công, số cổ phiếu TCM mà ông Nghĩa nắm giữ sẽ giảm từ 17,19 triệu đơn vị (tỷ lệ 16,8%) xuống còn 10,19 triệu đơn vị (tỷ lệ 10%).

GVR: Tổng công suất chế biến có thể nâng lên mức 200.000 tấn/năm

Ban lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (mã cổ phiếu GVR) đánh giá nếu tổ chức hoạt động thu mua tốt thì lượng cao su tự nhiên thu mua có thể lên đến 100.000 tấn/năm. Ông Trần Thanh Phụng - Phó Tổng Giám đốc Cao su Việt Nam nhận định, nếu tổ chức và duy trì tốt hoạt động thu mua thì sản lượng thu mua mủ cao su hàng năm có thể đạt được 100.000 tấn. Năng lực chế biến của các nhà máy trong tập đoàn nếu phát huy hết công suất vẫn có thể chế biến lên đến 200.000 tấn/năm.

VGC: Kế hoạch thoái vốn nhà nước tại VGC diễn ra chậm hơn so với dự kiến

Theo lộ trình thoái vốn nhà nước, thời hạn để Tổng Công ty Viglacera kiểm kê quỹ đất, nợ và tài sản là ngày 30/6/2024. Tuy nhiên, kế hoạch này đã không hoàn thành đúng tiến độ và Tổng Công ty Viglacera hoàn tất việc định giá đất được chuyển sang đến ngày 30/9/2024. Tổng Công ty Viglacera hiện dự kiến sẽ trình phương án thoái vốn lên Bộ Xây dựng trong quý 1/2025.

Việc định giá đất cũng là một trong những vướng mắc lớn nhất từ trước đến nay trong quá trình triển khai việc thoái vốn của Bộ Xây dựng khỏi Tổng Công ty Viglacera, khiến quá trình này nhiều lần bị kéo dài.

TOP GIAO DỊCH TUẦN
HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HDB	18,869,474	TCB	(18,166,123)
2	TNH	5,463,927	VRE	(15,201,081)
3	TPB	4,230,425	VHM	(13,592,892)
4	MBB	4,197,309	FPT	(12,715,051)
5	PC1	4,159,947	MWG	(9,782,749)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	629,483	IDC	(595,455)
2	CEO	514,992	PVI	(538,381)
3	LAS	438,900	TVC	(315,000)
4	SHS	380,060	NTP	(171,900)
5	TNG	251,880	NVB	(119,300)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HDB	24.40	24.15	↓ -1.02%	116,939,500
VPB	19.15	19.00	↓ -0.78%	111,114,816
HPG	28.65	28.50	↓ -0.52%	106,905,424
EIB	19.05	18.95	↓ -0.52%	96,302,730
HSG	24.95	24.90	↓ -0.20%	90,923,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	17.60	17.50	↓ -0.57%	37,601,527
CEO	16.70	17.60	↑ 5.39%	25,843,789
MBS	32.80	35.10	↑ 7.01%	20,489,935
TNG	27.60	25.60	↓ -7.25%	17,702,381
PVS	42.70	42.70	⇒ 0.00%	16,047,864

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTO	12.65	15.35	2.7	↑ 21.34%
SFG	12.70	15.30	2.6	↑ 20.47%
FDC	14.60	17.30	2.7	↑ 18.49%
CSV	33.65	39.50	5.9	↑ 17.38%
BFC	38.45	44.50	6.1	↑ 15.73%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LAS	23.50	28.10	4.6	↑ 19.57%
VE3	7.30	8.70	1.4	↑ 19.18%
SDC	7.20	8.50	1.3	↑ 18.06%
DTC	5.70	6.70	1.0	↑ 17.54%
HVT	83.50	96.70	13.2	↑ 15.81%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NAB	16.25	14.00	-2.3	↓ -13.85%
DXS	7.08	6.25	-0.8	↓ -11.72%
SIP	90.50	81.40	-9.1	↓ -10.06%
ADG	16.10	14.50	-1.6	↓ -9.94%
HTL	21.90	19.80	-2.1	↓ -9.59%

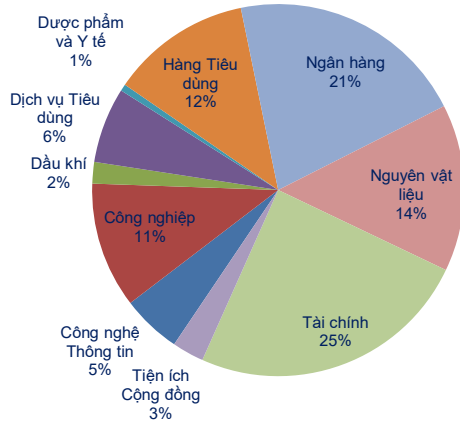
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	44.40	35.20	-9.2	↓ -20.72%
TPH	12.40	10.10	-2.3	↓ -18.55%
MAC	21.90	19.00	-2.9	↓ -13.24%
VCM	12.80	11.20	-1.6	↓ -12.50%
SJ1	12.50	11.00	-1.5	↓ -12.00%

(*) Giá điều chỉnh



THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



P/E và Thị Trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	116,939,500	24.7%	3,827	6.6	1.5
VPB	111,114,816	8.9%	1,525	12.5	1.1
HPG	106,905,424	9.2%	1,455	19.8	1.7
EIB	96,302,730	9.0%	1,147	16.7	1.5
HSG	90,923,800	8.1%	1,423	17.5	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	37,601,527	5.7%	688	25.6	1.3
CEO	25,843,789	2.8%	365	49.4	1.5
MBS	20,489,935	13.0%	1,475	23.7	2.8
TNG	17,702,381	12.5%	1,981	13.7	1.7
PVS	16,047,864	7.1%	1,992	21.6	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VTO	↑ 21.3%	8.0%	1,124	14.1	1.1
SFG	↑ 20.5%	4.2%	565	27.3	1.1
FDC	↑ 18.5%	0.2%	19	857.3	1.4
CSV	↑ 17.4%	13.3%	1,748	23.1	3.0
BFC	↑ 15.7%	18.3%	4,105	10.9	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LAS	↑ 19.6%	12.0%	1,487	18.7	2.1
VE3	↑ 19.2%	2.0%	286	30.4	0.6
SDC	↑ 18.1%	3.5%	698	12.2	0.4
DTC	↑ 17.5%	-76.3%	-4,041	-	1.5
HVT	↑ 15.8%	10.9%	3,993	23.5	2.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	18,869,474	24.7%	3,827	6.6	1.5
TNH	5,463,927	8.3%	1,246	22.2	1.8
TPB	4,230,425	13.9%	2,041	8.8	1.2
MBB	4,197,309	21.5%	3,855	6.0	1.2
PC1	4,159,947	2.8%	651	48.5	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	629,483	7.1%	1,992	21.6	1.5
CEO	514,992	2.8%	365	49.4	1.5
LAS	438,900	12.0%	1,487	18.7	2.1
SHS	380,060	5.7%	688	25.6	1.3
TNG	251,880	12.5%	1,981	13.7	1.7

Top Vốn hóa HOSE

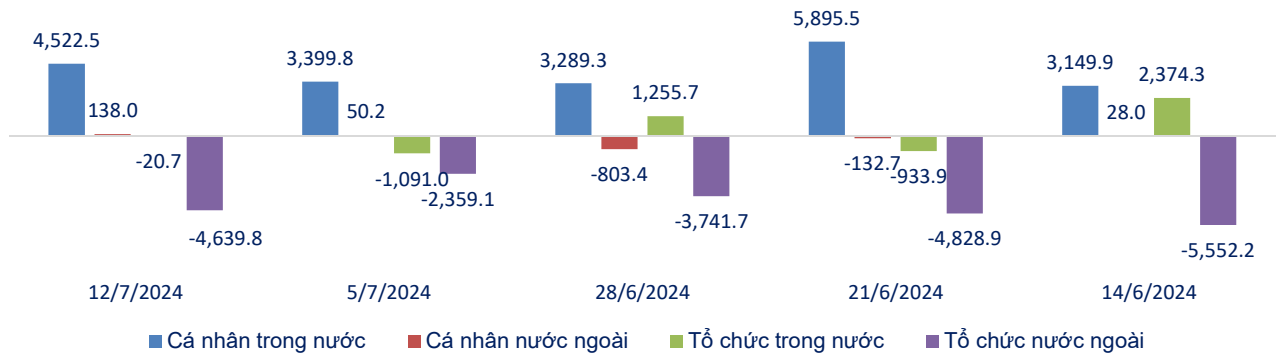
Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	492,399	20.0%	5,838	15.1	2.8
BID	266,780	18.1%	3,841	12.2	2.1
FPT	194,240	22.8%	4,641	28.7	6.1
HPG	184,532	9.2%	1,455	19.8	1.7
GAS	179,605	16.4%	4,688	16.7	2.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,553	7.1%	1,992	21.6	1.5
IDC	20,328	31.7%	5,880	10.5	3.1
HUT	15,797	0.7%	97	182.0	1.4
MBS	15,274	13.0%	1,475	23.7	2.8
SHS	14,312	5.7%	688	25.6	1.3

GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	1,612.51	22.8%	4,641	28.7	6.1
EIB	617.23	9.0%	1,147	16.7	1.5
VHM	582.03	12.1%	5,074	7.6	0.9
MWG	566.89	4.4%	717	90.4	3.6
MSN	464.11	0.8%	213	355.7	2.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-649.45	24.7%	3,827	6.6	1.5
STB	-442.81	17.7%	4,206	7.1	1.2
TNH	-187.20	8.3%	1,246	22.2	1.8
VCI	-125.28	8.2%	1,410	34.0	2.6
DGC	-117.84	24.6%	7,884	16.0	3.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	44.63	24.7%	3,827	6.6	1.5
STB	31.98	17.7%	4,206	7.1	1.2
SAB	18.02	16.0%	3,234	17.4	2.7
CTG	17.82	16.2%	3,751	8.6	1.3
PNJ	15.17	20.2%	5,949	16.4	3.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-10.71	2.5%	625	37.1	0.9
PAN	-7.46	5.5%	2,160	11.8	0.6
DGW	-7.38	13.9%	2,226	29.0	4.0
HPG	-6.66	9.2%	1,455	19.8	1.7
MSN	-6.50	0.8%	213	355.7	2.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	416.68	17.7%	4,206	7.1	1.2
VCB	225.48	20.0%	5,838	15.1	2.8
HDB	176.04	24.7%	3,827	6.6	1.5
FPT	119.14	22.8%	4,641	28.7	6.1
VCI	112.58	8.2%	1,410	34.0	2.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-605.33	9.0%	1,147	16.7	1.5
HPG	-317.07	9.2%	1,455	19.8	1.7
SSB	-194.52	13.6%	1,632	12.8	1.7
GAS	-106.71	16.4%	4,688	16.7	2.6
KBC	-105.76	4.9%	1,274	22.7	1.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	428.78	24.7%	3,827	6.6	1.5
TNH	164.20	8.3%	1,246	22.2	1.8
PC1	134.52	2.8%	651	48.5	1.3
GMD	112.79	26.2%	8,445	9.9	2.5
DGC	104.69	24.6%	7,884	16.0	3.8

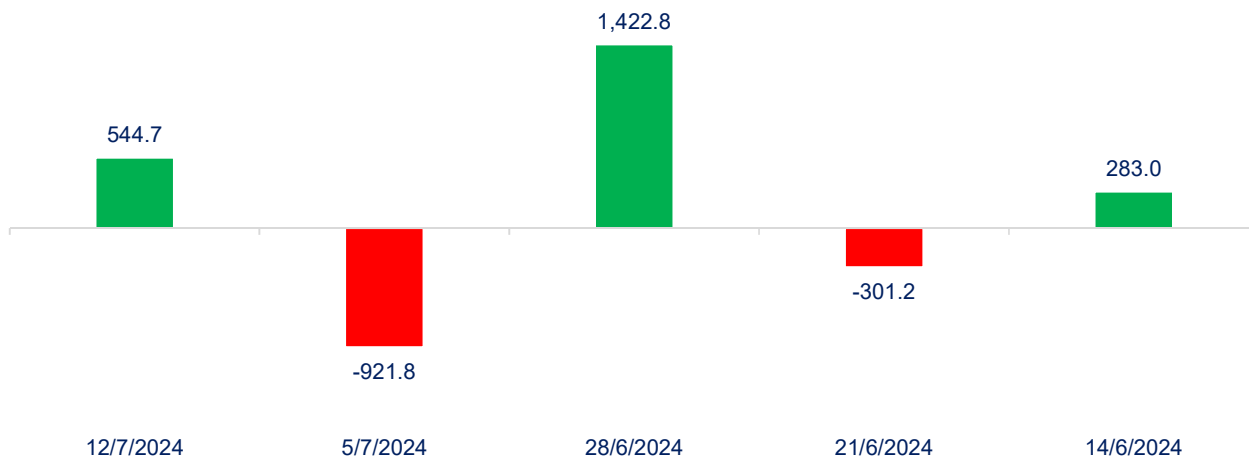
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-1,739.67	22.8%	4,641	28.7	6.1
MWG	-645.46	4.4%	717	90.4	3.6
VHM	-518.85	12.1%	5,074	7.6	0.9
MSN	-501.96	0.8%	213	355.7	2.4
TCB	-424.69	15.2%	2,802	8.1	1.2

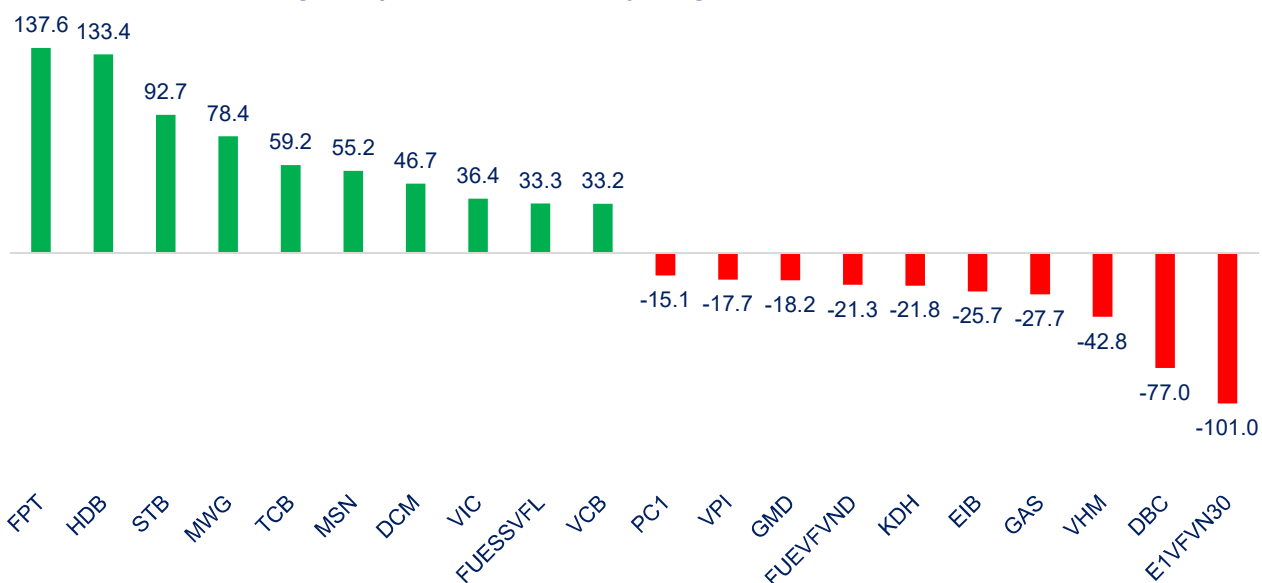


GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
4/6/2024	12/7/2024	12/6/2024	11/6/2024	SFG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/5/2024	12/7/2024	12/6/2024	11/6/2024	QNP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	IVS	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
11/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	CMC	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
11/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	TNC	Giao dịch nội bộ
10/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	BWE	Giao dịch nội bộ
10/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	CYC	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
10/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	TTN	Giao dịch nội bộ
7/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	DHC	Giao dịch nội bộ
11/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	HLD	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
12/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	BMF	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
12/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	TMS	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
13/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	OIL	Giao dịch nội bộ
13/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	BSQ	Giao dịch nội bộ
14/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	CLX	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
14/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	VNT	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
19/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	HU4	Giao dịch nội bộ
21/6/2024	12/7/2024	28/6/2024	27/6/2024	TDS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/6/2024	12/7/2024	2/7/2024	1/7/2024	TID	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/6/2024	12/7/2024	3/7/2024	2/7/2024	DHA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/6/2024	12/7/2024	3/7/2024	2/7/2024	MCH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/6/2024	12/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	NVL	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
8/7/2024	12/7/2024	15/7/2024	12/7/2024	TNG	Phát hành cổ phiếu
10/7/2024	12/7/2024	15/7/2024	12/7/2024	VTZ	Phát hành cổ phiếu
12/6/2024	13/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	MSB	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
28/6/2024	13/7/2024	9/7/2024	8/7/2024	TVA	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
25/6/2024	13/7/2024	12/7/2024	12/7/2024	MSB	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
23/5/2024	15/7/2024	5/6/2024	4/6/2024	DAG	Đại hội Đồng Cổ đông
17/5/2024	15/7/2024	31/5/2024	30/5/2024	SAV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/6/2024	15/7/2024	25/6/2024	24/6/2024	HVT	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan,
235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
